

Số: 91 /BC-CN

Sóc Trăng, ngày 4 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO TỔNG KẾT
Hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2021 và
Phương hướng nhiệm vụ năm 2022

A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. Khái quát tình hình

Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, hoạt động chính thức từ ngày 29/12/2017. Thực hiện chức năng và phạm vi hoạt động chủ yếu là khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch, nước uống đóng chai, đầu tư xây dựng các dự án cấp nước đáp ứng yêu cầu sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt và các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chính sách giá do Nhà nước quy định.

- Vốn điều lệ 158.631.330.000 đồng. Tỷ lệ vốn Nhà nước tại doanh nghiệp 49%.
- Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm có:
 - + Đại hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị: 05 thành viên (từ tháng 01/2021 đến 08/2021 là 04 thành viên);
 - + Ban Kiểm soát: 03 thành viên (từ tháng 01/2021 đến 08/2021 là 02 thành viên);
 - + Ban điều hành: Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
 - + 05 phòng ban nghiệp vụ: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Kế toán, Phòng Kinh doanh, Phòng Kế hoạch - Vật tư, Phòng Kỹ thuật;
 - + 13 xí nghiệp trực thuộc tại các thành phố, thị xã, huyện;
 - + Tổng số cán bộ, công nhân viên là 292 người, trong đó nữ 64 người.

1. Thuận lợi

- Ngành cấp nước tiếp tục là một trong những ngành đóng vai trò quan trọng trong xây dựng phát triển đô thị và phục vụ đời sống nhân dân. Nhu cầu sử dụng nước sạch trong tiêu dùng của người dân và các cơ sở sản xuất kinh doanh ổn định, sản phẩm tiêu thụ được duy trì ở mức độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng lãnh đạo các đơn vị đã tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh khá tốt, trong đó mục tiêu cơ bản là đáp ứng kịp thời nhu cầu nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Thường xuyên nắm bắt tình hình khó khăn thuận lợi để có giải pháp thực hiện tiếp theo, khắc phục được những khó khăn vướng mắc. Công tác phục vụ khách hàng được quan tâm sâu sát, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng hiệu quả

chuyên môn. Công tác kiểm tra giám sát được chú trọng, thông qua các buổi họp định kỳ có đánh giá nhắc nhở rút kinh nghiệm kịp thời.

- Tình hình tài chính của công ty đã dần ổn định, trong năm qua đã có lãi, để bù đắp lại những khoản lỗ của các năm trước.

- Toàn thể cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp luôn phát huy tinh thần trách nhiệm, hoàn thành nhiệm vụ chung.

2. Khó khăn

- Là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu đã tác động trực tiếp đến công tác sản xuất của đơn vị, tình trạng nhiễm mặn, nguồn nước cung cấp bị hạn chế, nên việc xử lý và tìm nguồn nước gặp nhiều khó khăn.

- Nhu cầu phát triển đô thị, sử dụng nguồn nước ngày càng tăng nên doanh nghiệp phải cân đối vốn để tái đầu tư phát triển mở rộng, đối với các khu vực ngoại ô thành phố khi xây dựng mở rộng thì phải có nguồn vốn nhiều, suất đầu tư bình quân/hộ cao, khả năng thu hồi vốn chậm.

- Trong năm 2021, diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị, sản lượng không đạt chỉ tiêu theo kế hoạch, việc điều hành của các đơn vị bị gián đoạn, công tác đầu tư phát triển không thể triển khai theo kế hoạch đề ra.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

1. Sản lượng và doanh thu của từng hoạt động sản xuất

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Tỷ lệ (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	So với 2020	So với KH
I	Sản lượng SXKD						
1.	Nước thương phẩm	m ³	20.540.811	21.360.000	20.663.239	100,6	96,7
2.	Số lượng khách hàng	hộ	91.419	94.220	94.357	103,2	100,1
3.	Nước đóng chai						
3.1	Bình 20 lít	bình	307.314		296.454	96,5	
3.2	Bình 5 gallon	bình	34.385		32.945	95,8	
3.3	Lốc 24 chai (350ml)	lốc	13.317		12.470	93,6	
3.4	Lốc 24 chai (500ml)	lốc	2.584		2.620	101,4	
3.5	Thùng 24 chai (350ml)	thùng	259		20	7,7	
II	Tỷ lệ thất thoát	%	12,29	<15	13,34	108,5	
III	Tổng doanh thu	đồng	189.553.741.149	205.470.000.000	197.607.136.331	104,2	96,2
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	188.790.437.129	205.170.000.000	193.734.182.328	102,6	94,4
1.1	Cấp nước	“	179.952.082.381	197.425.000.000	186.637.803.387	103,7	94,5
1.2	Lắp đặt	“	4.804.708.037	3.500.000.000	2.903.405.232	60,4	83,0

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Tỷ lệ (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	So với 2020	So với KH
1.3	Nước đóng chai	“	3.600.978.614	3.745.000.000	3.459.654.036	96,1	92,4
1.4	Khác	“	432.668.097	500.000.000	733.319.673	169,5	146,7
2.	Doanh thu tài chính	đồng	479.777.389	100.000.000	2.159.396.556	450,1	2159,4
3.	Thu nhập khác	đồng	283.526.631	200.000.000	1.713.557.447	604,4	856,8

- Như vậy, tổng doanh thu đạt **197.607.136.331** đồng, tăng 4,25% so với năm 2020 và đạt 96,17% so với kế hoạch.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt **193.734.182.328** đồng, tăng 2,62% so với năm 2020 và đạt 94,43% so với kế hoạch

Trong đó:

- + Doanh thu cấp nước: 186.637.803.387 đồng, chiếm 96,34%
- + Doanh thu lắp đặt: 2.903.405.232 đồng, chiếm 1,50%
- + Doanh thu nước đóng chai: 3.459.654.036 đồng, chiếm 1,79 %
- + Doanh thu khác: 733.319.673 đồng, chiếm 0,37 %

2. Kết quả thực hiện kế hoạch của các đơn vị

TT	Đơn vị	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ (%) so KH	Thực hiện 2020	Tỷ lệ (%) so 2020
Sản lượng nước thương phẩm toàn công ty		m ³	20.663.239	21.360.000	96,74	20.540.811	100,60
1	Nguyễn Chí Thanh	m ³	7.518.183	7.340.000	98,28	7.432.314	101,16
2	Phú Lợi	“	5.294.033	5.350.000	93,87	5.410.722	97,84
3	Mỹ Xuyên	“	1.234.184	1.190.000	94,94	1.257.382	98,16
4	Vĩnh Châu	“	1.121.919	1.070.000	97,56	1.098.963	102,09
5	Long Phú	“	685.991	620.000	99,42	658.184	104,22
6	Mỹ Tú	“	485.369	450.000	99,05	461.721	105,12
7	Trần Đề	“	1.325.158	1.240.000	98,89	1.296.952	102,17
8	Đại Ngãi	“	584.187	560.000	94,22	585.035	99,86
9	Kế Sách	“	918.621	810.000	97,73	882.926	104,04
10	Thạnh Trị	“	931.789	880.000	96,06	925.736	100,65
11	Ngã Năm	“	563.805	490.000	98,91	530.876	106,20

Sản lượng nước thương phẩm toàn công ty năm 2021 tăng 0,6% so với năm 2020, đạt 96,74% so với kế hoạch. Trong đó, có 08/11 đơn vị có sản lượng tăng so với năm 2020 và 11/11 đơn vị không hoàn thành chỉ tiêu giao năm 2021.

Tỷ lệ thất thoát toàn công ty tăng 1,05% so với năm 2020 (tỷ lệ từ 12,29% tăng lên 13,34%). Trong đó:

- Đơn vị có tỷ lệ thất thoát thấp nhất năm 2021 là XNCN Trần Đề 9,85% (năm 2020 là 11,49%)

- Đơn vị có tỷ lệ thất thoát cao nhất năm 2021 là XNCN Nguyễn Chí Thanh và Phú Lợi (khu vực TP. Sóc Trăng) 14,16% (năm 2020 là 13,0%)

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2020	KH 2021	So 2021/2020 (%)	So với KH 2021
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	193.734.182.336	188.790.437.128	205.170.000.000	103%	94,4%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu					
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	193.734.182.336	188.790.437.128	205.170.000.000	103%	94,4%
4	Gía vốn hàng bán	114.833.252.817	114.487.921.875	120.000.000.000	100%	95,7%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.900.929.519	74.302.515.253	85.170.000.000	106%	92,6%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.159.396.556	479.777.389	100.000.000	450%	2.159%
7	Chi phí tài chính	3.836.872.018	7.203.193.445	8.500.000.000	53%	45%
	<i>Chi phí lãi vay</i>	3.836.872.018	7.203.193.445	8.500.000.000	53%	45%
8	Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết...					
9	Chi phí bán hàng	42.972.251.815	34.279.195.036	42.500.000.000	125%	101%
10	Chi phí quản lý DN	23.463.148.337	22.926.117.290	23.320.000.000	102%	100,6%
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.788.053.905	10.373.786.871	10.950.000.000	104%	98,5%
12	Thu nhập khác	1.713.557.447	296.127.450	200.000.000	579%	856,7%
13	Chi phí khác	252.294.416	262.520.447	150.000.000	96%	168%
14	Lợi nhuận khác	1.461.263.031	33.607.003	50.000.000	4348%	2.922%
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.249.316.936	10.407.393.874	11.000.000.000	118%	111,3%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.249.316.936	10.407.393.874	11.000.000.000	118%	111,3%

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2020	KH 2021	So 2021/2020 (%)	So với KH 2021
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	772	656	693	118%	111,3%
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu					

III. Tình hình tài chính năm 2021

1. Tình hình tài sản và nguồn vốn

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2020	2021/2020 (%)
1	Tổng tài sản	200.854.638.592	234.520.874.557	86%
	<i>Trong đó</i>			
+	Tài sản ngắn hạn	66.421.990.979	60.294.889.500	110%
+	Tài sản dài hạn	134.432.647.613	174.225.985.057	77%
2	Tổng nguồn vốn	200.854.638.592	234.520.874.557	86%
	<i>Trong đó</i>			
2.1	Nợ phải trả	47.451.950.663	93.367.503.564	51%
	- Nợ ngắn hạn	46.668.761.293	86.625.013.157	54%
	- Nợ dài hạn	783.189.370	6.742.490.407	12%
2.2	Vốn chủ sở hữu	153.402.687.929	141.153.370.993	109%
	<i>Trong đó</i>			
+	Vốn góp của chủ sở hữu	158.631.330.000	158.631.330.000	100%
+	Quỹ đầu tư phát triển			
+	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.228.642.071)	(17.477.959.007)	30%
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			
	- LNST chưa phân phối lũy kỳ này			
+	Nguồn vốn đầu tư XDCB			

Năm 2021 so với năm 2020 tổng tài sản và nguồn vốn giảm 33,67 tỷ đồng (tương ứng 14%). Trong đó:

- Nợ phải trả giảm 45,92 tỷ đồng tương đương giảm 49%.
- + Nợ ngắn hạn giảm 39,96 tỷ đồng chủ yếu là do trả nợ các nhà cung cấp, nhà thầu và nợ vay ngắn hạn ngân hàng trong năm.
- + Nợ dài hạn giảm 5,96 tỷ đồng chủ yếu là do trả nợ vay các ngân hàng.
- Vốn chủ sở hữu tăng 12,25 tỷ đồng tương đương tăng 9% (do năm 2021 công ty lãi 12,25 tỷ đồng).

2. Về thực hiện nghĩa vụ tài chính

STT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2020	Năm 2021		Tỷ lệ thực hiện	
				Kế hoạch	Thực hiện	So 2020	So KH
	Nghĩa vụ tài chính	<i>đồng</i>	24.842.852.202		28.374.260.631	114%	-
1	Nộp thuế GTGT	<i>đồng</i>	388.202.865		4.170.456.111	1074%	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>đồng</i>					-
3	Nộp các loại thuế khác	<i>đồng</i>	10.533.100.413		9.971.619.973	95%	-
4	Nộp các khoản bảo hiểm	<i>đồng</i>	5.079.431.642		5.518.787.919	109%	-
5	Các khoản phải nộp khác	<i>đồng</i>	8.842.117.282		8.713.396.628	99%	-
	<i>Phí nước thải sinh hoạt</i>	<i>đồng</i>	<i>8.842.117.282</i>		<i>8.713.396.628</i>	<i>99%</i>	<i>-</i>

Số nộp ngân sách năm 2021 tăng so với năm 2020 là 3,5 tỷ đồng tương đương tăng 14% so với cùng kỳ năm trước.

3. Về sử dụng vốn đầu tư phát triển

STT	DIỄN GIẢI	NGUỒN	SỬ DỤNG	CÒN LẠI
1	Năm 2020 chuyển sang	(21.901.852.201)		(21.901.852.201)
2	Năm 2021	40.180.700.518	2.739.242.275	37.441.458.243
2.1	Nguồn khấu hao TSCĐ	40.180.700.518		
2.2	Nguồn Quỹ ĐTPT			
2.3	Trả nợ vay ODA			
2.4	Chênh lệch tỷ giá tính vào giá thành			
2.5	Đầu tư, mua sắm thiết bị, tài sản		2.739.242.275	
	Trong đó			
	- Nhà cửa vật kiến trúc			
	- Máy móc thiết bị			
	- Thiết bị truyền dẫn		2.488.992.275	
	- Thiết bị dụng cụ quản lý		250.250.000	
	Cộng	18.278.848.317	2.739.242.275	15.539.606.042

- Nguồn vốn tái đầu tư 2020 chuyển sang: - 21.901.852.201 đồng
- Khấu hao năm 2021: 40.180.700.518 đồng
- Sử dụng trả nợ vay ODA 2021: 0 đồng
- Sử dụng cho đầu tư phát triển trong năm 2021: 2.739.242.275 đồng
- Còn lại: 15.539.606.042 đồng

4. Phân phối lợi nhuận: Không có, do công ty vẫn còn bị lỗ lũy kế.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2022

I. Mục tiêu

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 duy trì mức tăng trưởng tương đương 4,5% trên m³ nước thương phẩm.

- Tổ chức sắp xếp lại sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả công tác.

- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước tăng sản lượng tiêu thụ, cải tạo chống thất thoát nước.

- Tiếp tục đổi mới công tác chăm sóc khách hàng, cải tiến và ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng nước, chất lượng dịch vụ ngày một tốt hơn, xây dựng đơn vị cấp nước an toàn.

II. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

1. Kế hoạch sản lượng và doanh thu năm 2022

STT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	So 2021 (%)
I	Sản lượng XSKD				
1	Nước thương phẩm	m ³	20.663.239	21.600.000	+4,53
2	Số lượng khách hàng	hộ	94.357	97.000	+2,80
II	Tỷ lệ thất thoát	%	13,34	<15	
III	Tổng doanh thu	đồng	197.607.136.331	203.263.000.000	+2,66
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	đồng	193.734.182.328	200.763.000.000	
	- Cấp nước	đồng	186.637.803.387	194.400.000.000	
	- Lắp đặt - chuyển nhượng vật tư	đồng	2.903.405.232	3.000.000.000	
	- Nước uống đóng chai	đồng	3.459.654.036	3.363.000.000	
	- Doanh thu khác	đồng	733.319.673		
2	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	2.159.396.556	500.000.000	
3	Thu nhập khác	đồng	1.713.557.447	2.000.000.000	

2. Chi tiết giao kế hoạch sản xuất năm 2022

TT	Đơn vị	Thực hiện năm 2021			Kế hoạch năm 2022				
		Sản lượng (m ³)	Khách hàng (hộ)	Tỷ lệ TT (%)	Sản lượng KH (m ³ /năm)	Sản lượng (m ³ /tháng)	Tăng so 2020 (%)	Khách hàng (hộ)	Tỷ lệ TT (%)
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	7.518.183	22.664	14,16	7.770.000	647.500	3,35	600	<13
2	XNCN Phú Lợi	5.294.033	23.121	14,16	5.600.000	466.667	5,78	700	15

3	XNCN Mỹ Xuyên	1.234.184	6.623	12,19	1.300.000	108.333	5,33	150	10
4	XNCN Vĩnh Châu	1.121.919	6.557	13,41	1.165.000	97.083	3,84	150	<15
5	XNCN Long Phú	685.991	4.122	13,20	720.000	60.000	4,96	53	<12
6	XNCN Mỹ Tú	485.369	2.614	11,83	510.000	42.500	5,07	200	12
7	XNCN Trần Đề	1.325.158	8.031	9,85	1.365.000	113.750	3,01	250	<15
8	XNCN Đại Ngãi	584.187	4.348	10,56	623.000	51.917	6,64	100	<13
9	XNCN Kế Sách	918.621	6.417	11,52	972.000	81.000	5,81	200	13,7
10	XNCN Thạnh Trị	931.789	6.252	12,20	970.000	80.833	4,10	180	<13,5
11	XNCN Ngã Năm	563.805	3.608	13,70	605.000	50.417	7,31	60	14
	Tổng cộng	20.663.239	94.357	13,34	21.600.000	1.800.000	4,53	2.643	<15
12	Lắp đặt	Doanh thu 2.903.405.232 đồng			Kế hoạch doanh thu 3.000.000.000 đồng				
13	Nước đóng chai	Doanh thu 3.459.654.036 đồng			Kế hoạch doanh thu 3.363.000.000 đồng				
14	Khác	Doanh thu 733.319.673 đồng							
	Doanh thu (đồng)	7.096.378.941			6.363.000.000				

Trong đó:

- Sản lượng cấp nước kế hoạch 2022 tăng 4,53% so với năm 2021
- Tỷ lệ thất thoát đầu đầu <15%.
- Phát triển khách hàng mới tăng 2,80% so với năm 2021
- Sản lượng và doanh thu nước đóng chai giảm 2,79% so với năm 2021

3. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2022

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2021	KẾ HOẠCH NĂM 2022	SO VỚI 2021 (%)
I	Chỉ tiêu kinh doanh					
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đồng	10.407.393.874	12.249.316.936	14.000.000.000	
2	Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	đồng			2.800.000.000	
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng				

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2021	KẾ HOẠCH NĂM 2022	SỐ VỚI 2021 (%)
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	10.407.393.874	12.249.316.936	11.200.000.000	
5	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	đồng	656	772	706	
6	Lãi, lỗ năm trước chuyển sang	đồng	(17.477.959.007)	(5.228.642.071)	5.971.357.929	
7	Lợi nhuận để phân phối	đồng				
8	Phân chia lợi nhuận	đồng				
9	Trích quỹ dự phòng	đồng				
10	Trích quỹ đầu tư phát triển	đồng				
11	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	đồng				
12	Trả cổ tức	đồng				
13	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	đồng				
14	Lợi nhuận chuyển năm sau	đồng				
II	Vốn điều lệ	đồng	158.631.330.000	158.631.330.000	158.631.330.000	
III	Nghĩa vụ tài chính	đồng	24.842.852.202	28.374.260.631	29.700.000.000	
1	Nộp thuế GTGT	đồng	388.202.865	4.170.456.111	2.500.000.000	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng			2.800.000.000	
3	Nộp các loại thuế khác	đồng	10.533.100.413	9.971.619.973	10.000.000.000	
4	Nộp các khoản bảo hiểm	đồng	5.079.431.642	5.518.787.919	5.600.000.000	
5	Các khoản phải nộp khác	đồng	8.842.117.282	8.713.396.628	8.800.000.000	
	<i>Phí mức thái sinh hoạt</i>	<i>đồng</i>	<i>8.842.117.282</i>	<i>8.713.396.628</i>	<i>8.800.000.000</i>	

4. Kế hoạch đầu tư

Theo Tờ trình đính kèm

5. Kế hoạch tiền lương và thu nhập cho người lao động 2022

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Số 2021 (%)
1	Số lao động	người	298	292	292	100%
	Chức danh quản lý chuyên trách	người	8	8	8	100%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	người	2	2	2	100%
	Người lao động	người	288	282	282	100%
2	Quỹ tiền lương	đồng	38.823.366.742	38.761.916.956	39.649.243.400	102%
	Chức danh quản lý	đồng	4.070.064.682	3.975.308.212	4.026.443.400	101%

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	So 2021 (%)
	chuyên trách					
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	263.108.796	430.232.415	430.000.000	100%
	Người lao động	đồng	34.490.193.264	34.356.376.329	35.192.800.000	102%
3	Tiền ăn ca	đồng	2.569.156.569	2.599.964.460	2.607.600.000	100%
	Chức danh quản lý chuyên trách	đồng	70.080.000	70.080.000	70.080.000	100%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	17.520.000	17.520.000	17.520.000	100%
	Người lao động	đồng	2.481.556.569	2.512.364.460	2.520.000.000	100%
4	Tổng thu nhập	đồng	41.392.523.311	41.361.881.416	42.818.443.400	104%
	Chức danh quản lý chuyên trách	đồng	4.140.144.682	4.045.388.212	4.096.523.400	101%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	280.628.796	447.752.415	447.520.000	100%
	Người lao động	đồng	36.971.749.833	36.868.740.789	38.274.400.000	104%
5	Lương bình quân	đ/ng/th				
	Chức danh quản lý chuyên trách	đ/ng/th	43.126.507	42.139.461	42.672.119	101%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đ/ng/th	11.692.867	18.656.351	18.646.667	100%
	Người lao động	đ/ng/th	10.697.844	10.895.018	11.144.444	102%

III. Các giải pháp thực hiện

1. Các giải pháp sản xuất kinh doanh

- Triển khai công tác khảo sát địa bàn, các công trình cấp nước đề nghị mở rộng, hiệu quả đầu tư để sớm thực hiện.

- Đánh giá hoạt động của các nhà máy sản xuất, đầu tư bổ sung nguồn nước khai thác phục vụ để hoàn thành kế hoạch và đảm bảo nguồn nước cung cấp cho người tiêu dùng.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh kiểm tra, giám sát chất lượng nguồn nước theo tiêu chuẩn cho phép.

- Các đơn vị trực thuộc theo dõi các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thường xuyên, giảm lượng nước thất thoát, tăng cường công tác quản lý khách hàng, đánh giá nguyên nhân tăng, giảm sản lượng theo từng thời điểm.

2. Các giải pháp công nghệ, tiết kiệm chi phí sản xuất

- Ứng dụng đổi mới kỹ thuật, công nghệ trong quá trình sản xuất.

- Hoàn thiện và nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí lao động, vật tư, chi phí quản lý, hạn chế tối đa các tổn thất và thiệt hại không đáng có trong quá trình sản xuất, tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục thực hiện cải tiến hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cho các xí nghiệp trực thuộc.

- Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, giám sát tài chính đối với việc sử dụng các loại chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

3. Công tác quản trị

- Giáo dục cán bộ, công nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, thúc đẩy phong trào thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Đánh giá lại công việc của từng đơn vị để xây dựng định biên lao động, luân chuyển bố trí nhân lực đảm bảo lãnh đạo và điều hành sản xuất có hiệu quả.

- Xây dựng quy chế tiền lương, tiền thưởng, động viên khuyến khích được những cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng đảm nhận và giải quyết những công việc quan trọng và đòi hỏi sự phức tạp khi thực hiện. Tiền lương phải gắn liền với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tạo môi trường làm việc tốt, động viên khuyến khích CB.CNV phát huy năng lực bản thân hoàn thành tốt công việc được giao, đóng góp vào sự phát triển chung của công ty.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HSDH.



Đặng Văn Ngo

Số: 96 /BC-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 4 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021

Thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông hoạt động năm 2021 của HĐQT Công ty như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2021

1. Cơ cấu thành viên HĐQT

Tại Đại hội cổ đông lần thứ nhất ngày 28/12/2017 đã bầu ra HĐQT gồm 05 thành viên. Tuy nhiên từ tháng 10/2020 đến tháng 08/2021 HĐQT hoạt động chỉ còn 04 thành viên (*Lý do 01 thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện ủy quyền của cổ đông nhưng cổ đông được đại diện đó đã chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác*).

Theo Công văn số 02/CV-VBIC ngày 18/5/2021 của Công ty cổ phần VBIC Việt Nam (*là cổ đông lớn nắm giữ trên 5% cổ phần Công ty*) đề cử ông Đặng Văn Ngộ là người đại diện quản lý phần vốn góp và tham gia thành viên Hội đồng quản trị Công ty. Đến tháng 08/2021 thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, ngày 20/8/2021 Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ thống nhất bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2017-2022 đối với ông Đặng Văn Ngộ.

Hiện nay cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Đại diện/ sở hữu
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn cổ đông chiến lược Công ty cổ phần Hawaco
2	Nguyễn Quang Mãi	TV. HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn cổ đông chiến lược Công ty cổ phần Hawaco
3	Trần Anh Hòa	TV. HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn Nhà nước
4	Phan Vĩnh Tùng	TV. HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn Nhà nước
5	Đặng Văn Ngộ	TV. HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn cổ đông Công ty cổ phần VBIC Việt Nam



2. Kết quả sản xuất kinh doanh

Do chịu ảnh hưởng đại dịch Covid 19, tình hình sản xuất kinh doanh Công ty gặp không ít khó khăn, công tác điều hành của HĐQT cũng bị gián đoạn, một số chỉ tiêu chưa đạt được kỳ vọng như mong muốn, công tác đầu tư phát triển không thể triển khai theo kế hoạch đề ra.

Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

- M³ nước thương phẩm: 20.663.239 m³, đạt tỷ lệ 96,74 % so với kế hoạch năm, tăng trưởng 0,6% so với năm 2020.

- Doanh thu: 197.607.136 tỷ đồng, đạt 96,17% so với kế hoạch năm, tăng trưởng 4,26 % so với 2020.

- Lợi nhuận: 12.249.316.936 đồng, đạt 111,36 % so với kế hoạch năm, tăng trưởng 17,70 % so với 2020.

3. Về hoạt động của HĐQT

- HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2021, thông qua các Tờ trình của Ban Tổng Giám đốc và các cuộc họp, HĐQT đã ban hành 11 Nghị quyết/ Quyết định điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Ban điều hành được thực hiện đúng quy định. Hàng tháng, quý Ban điều hành thực hiện đúng chế độ báo cáo và lập kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh, thu chi hàng tháng trình HĐQT phê duyệt đúng theo quy định. Đối với các công việc ngoài thẩm quyền, Ban điều hành gửi văn bản trình xin ý kiến phê duyệt của HĐQT mới được triển khai thực hiện.

- Tại các cuộc họp HĐQT, HĐQT cũng đã yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như giải trình các công việc còn tồn đọng để HĐQT có ý kiến chỉ đạo.

II. ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của các đơn vị, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty.

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước, kiểm soát tốt chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống không bảo đảm chất lượng, tỷ lệ thất thoát cao...



8/1/21

- Thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước, nâng công suất khai thác nước sạch các nhà máy với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và các doanh nghiệp trong tỉnh Sóc Trăng.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, phân đầu tỷ lệ thất thu, thất thoát giảm.

Trên đây là báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021, xin báo cáo trước Đại hội. Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban TGD;
- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: VT, HS.DHĐCĐ. *me*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Trọng Hiếu



Số: 01/BC-BKS

Sóc Trăng, ngày 02 tháng 04 năm 2022

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
VÀ TÓM TẮT BCTC NĂM 2021 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**
Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cấp nước Sóc Trăng**

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

1. Thành viên Ban kiểm soát, hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát.

1.1. Thành viên Ban kiểm soát

Ngày 28/12/2017, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2017 của công ty đã bầu ra Ban kiểm soát (BKS) Công ty nhiệm kỳ 2017-2022, bao gồm 03 thành viên:

- Ông Vũ Tiến Bộ - Trưởng ban
- Ông Đỗ Chí Công - Kiểm soát viên
- Ông Nguyễn Văn Gỡ - Kiểm soát viên

Ngày 30/09/2020 ông Nguyễn Văn Gỡ có đơn từ nhiệm làm thành viên BKS, do đó BKS đã họp và thống nhất miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với ông Nguyễn Văn Gỡ kể từ ngày 30/09/2020. Đồng thời bầu bổ sung bà Liễu Thu Trúc làm thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày 01/10/2020.

Ngày 16/12/2020 miễn nhiệm thành viên BKS đối với ông Đỗ Chí Công do ông Đỗ Chí Công không còn đủ điều kiện tham gia thành viên BKS theo Điều lệ Công ty.

Ngày 20/08/2021 Bà Thân Hương Lan được bầu bổ sung làm thành viên BKS theo nghị quyết ĐHCĐ theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Ban kiểm soát hiện nay gồm 03 thành viên:

- Ông Vũ Tiến Bộ - Trưởng ban
- Bà Liễu Thu Trúc - Kiểm soát viên
- Bà Thân Hương Lan - Kiểm soát viên

1.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức họp định kỳ và họp khi có công việc đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; luôn bám sát Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên BKS cũng như với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.
- Xem xét các báo cáo tài chính (BCTC), báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và chương trình kế hoạch của công ty theo định kỳ.
- Tham gia ý kiến với HĐQT trong việc đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC của Công ty.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác của Công ty đảm bảo theo đúng chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.

1.3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

- Tổng mức thù lao chi cho các thành viên Ban kiểm soát trong năm 2021 là: **581.202.547** đồng *tương đương 0,3% doanh thu bán hàng & ccdv*.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

2.1. Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh

Ban kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động SXKD, thẩm định báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 của Công ty và thông nhất đánh giá như sau:

Sóc Trăng là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu đã tác động trực tiếp đến công tác sản xuất của đơn vị, tình trạng nhiễm mặn, nguồn nước cung cấp bị hạn chế, nên việc xử lý và tìm nguồn nước gặp nhiều khó khăn. Để đảm bảo nguồn nước đạt chất lượng theo tiêu chuẩn phục vụ người dân, Công ty phải có phương án đầu tư nhiều cụm công nghệ xử lý với chi phí tương đối cao. Bên cạnh đó, nhu cầu phát triển đô thị, sử dụng nguồn nước ngày càng tăng nên Công ty phải cân đối vốn để tái đầu tư phát triển mở rộng, đối với các khu vực ngoại ô thành phố khi xây dựng mở rộng thì phải có nguồn vốn nhiều, suất đầu tư bình quân/hộ cao, khả năng thu hồi vốn chậm.

Năm 2021 là một năm khó khăn với cả nước nói chung và với Sóc Trăng nói riêng, do ảnh hưởng của dịch Covid -19 đã ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, sản lượng nước thương phẩm, doanh thu không đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đã đề ra, việc điều hành sản xuất kinh doanh của các đơn vị bị gián đoạn do tình hình dịch bệnh, công tác đầu tư phát triển khách hàng và các hệ thống xử lý nước không thể triển khai theo kế hoạch đã đề ra.



- Tỷ lệ thất thoát nước thương phẩm 13,34% tăng 8,5% so với năm 2020 và thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

- Sản lượng nước thương phẩm tăng 6% so với năm 2020, tuy nhiên chỉ đạt 96,7% kế hoạch đề ra của năm.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt **192.734.182,328** đồng, tăng 2,62% so với năm 2020 và chỉ đạt 94,4% so với kế hoạch năm đã đề ra.

Trong đó:

+ Doanh thu cấp nước: 186.637.803.387 đồng, đạt 94,5% kế hoạch;

+ Doanh thu lắp đặt: 2.903.405.232 đồng, đạt 83% kế hoạch;

+ Doanh thu nước đóng chai: 3.459.654.036 đồng, đạt 92,4% KH;

+ Doanh thu khác: 733.319.673 đồng.

- Năm 2021, Công ty đạt lợi nhuận 12.249.316.936 đồng, góp phần giảm số lỗ lũy kế từ 17.477.959.007 đồng của cuối năm 2020 xuống còn 5.228.642.071 đồng vào cuối ngày 31/12/2021.

2.2. Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021

Công ty đã cố gắng thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 trong tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp gây nhiều khó khăn trong công tác điều hành cũng như trong sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu tuy chưa đạt được theo kế hoạch đề ra nhưng vẫn tăng trưởng so với năm 2020.

Về các kế hoạch đầu tư theo như Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021 do Công ty vẫn còn đang lỗ lũy kế nên việc huy động vốn từ các tổ chức tín dụng còn khó khăn, đồng thời do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 nên Công ty chưa đầu tư được các dự án theo như kế hoạch đã đề ra.

Về chi trả thù lao cho HĐQT và BKS, Công ty đã chi trả và quyết toán theo tỷ lệ đã được ĐHĐCĐ 2021 thông qua.

Đã lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ đã được ghi trong Nghị quyết.

2.3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021

Trên cơ sở BCTC năm 2021 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ, BKS đã thẩm định và nhất trí báo cáo với ĐHĐCĐ như sau:

- Thống nhất với BCTC năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ.

- Báo cáo đã phản ánh chính xác tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn

072
NG
PP
P N
CT
TRÁNH

tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 là phù hợp với các quy định của hệ thống kế toán hiện hành, không có sai sót trọng yếu xảy ra trong năm 2021 về công tác hạch toán kế toán.

Theo BCTC đã được kiểm toán, đến 31/12/2021, các chỉ tiêu cơ bản thực hiện trong năm 2021 như sau:

a) Về kết quả kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	193.734.182.336	Chiếm trọng số 98,9% trong tổng doanh thu Công ty.
2	Lợi nhuận trước thuế	12.249.316.936	
3	Lợi nhuận sau thuế	12.249.316.936	

b) Về tài sản:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Tài sản ngắn hạn	64.396.848.279	
2	Tài sản dài hạn	134.432.647.613	
3	Tổng tài sản	198.829.495.892	

c) Vốn chủ sở hữu: 153.402.687.929 đồng.

3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý

3.1. Đánh giá hoạt động của HĐQT

- HĐQT đã tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty về: chế độ họp, trình tự, thủ tục triệu tập họp, ghi biên bản, ra nghị quyết phiên họp.

- Nội dung các Nghị quyết của HĐQT được thông qua đúng với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, không trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đáp ứng được yêu cầu phát triển cũng như nhiệm vụ của Công ty.

- HĐQT đã giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban TGD trong hoạt động điều hành SXKD, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ.

- Trong năm 2021, BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị, khiếu nại nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, BKS đã được HĐQT phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ.

3.2. Đánh giá hoạt động của Ban TGD và cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát đánh giá cao những nỗ lực và cố gắng của Ban TGD Công ty trong công tác điều hành hoạt động SXKD, tổ chức triển khai các Nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ trong tình hình khó khăn do dịch Covid-19

- Trong năm vừa qua, BKS không phát hiện thấy vấn đề gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban TGD và các cán bộ quản lý khác trong công ty;

97
 TỶ
 AN
 ƯỚ
 RÁP
 3-T.

- Trong cả năm 2021, BKS không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, khiếu kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Ban TGD Công ty.

- Biên chế lao động của Công ty hiện tại ổn định, các CBCNV đang ngày càng nỗ lực nhằm nâng cao năng suất lao động.

3.3. Công tác giám sát, kiểm tra thực hiện quy định về quản trị nội bộ của Công ty

- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban TGD và bộ máy điều hành trong việc tuân thủ các quy phạm quản lý nội bộ; Ban TGD đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động SXKD, đồng thời thực hiện khá tốt công tác quản trị nội bộ, hạn chế được nhiều rủi ro và sai phạm có thể xảy ra.

- BKS đã thường xuyên thực hiện hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy phạm quản lý nội bộ của Công ty, công tác ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của Công ty theo đúng quy định, tiến hành phối hợp cùng các phòng ban kiểm kê, kiểm tra tình trạng tài sản cố định, hàng tồn kho, các công trình dự án thi công của Công ty.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Qua hoạt động thực thi nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao cho, năm 2021, BKS nhận thấy, các cơ quan quản trị, điều hành và bộ máy hoạt động của Công ty CP Cấp nước Sóc Trăng đã cơ bản thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.2. Kiến nghị

- *Kiến nghị hoàn thiện các văn bản quy phạm quản lý nội bộ:*

Mặc dù hệ thống quy phạm quản lý nội bộ của Công ty đã được ban hành khá đầy đủ, tuy nhiên, Công ty cần phải thường xuyên tổng kết, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy phạm này để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho thích hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển và nhiệm vụ của Công ty trong từng giai đoạn, thời kỳ phát triển.

Công ty nên tiếp tục theo dõi, nghiên cứu và sửa đổi các quy chế, quy định về khoán định mức và quản lý theo định mức đối với vật tư, hóa chất tiêu hao trong sản xuất nước, các chi phí quản lý phát sinh thường xuyên trong quản lý doanh nghiệp như (VPP, CCDC văn phòng...), khoán lương đối với sản phẩm và định biên vị trí công việc... cho phù hợp trong các năm tiếp theo.

- *Kiến nghị HĐQT, Ban TGD xem xét nghiên cứu đầu tư các công trình cấp bách nhằm đảm bảo an toàn cấp nước cho khách hàng trước diễn biến phức tạp của tình trạng xâm nhập mặn tại tỉnh Sóc Trăng:*

BKS kiến nghị HĐQT, Ban TGD Công ty tiếp tục cố gắng tìm kiếm các nguồn vốn từ các nguồn như từ các tổ chức tín dụng, các tổ chức phi chính phủ, nhằm đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư các dự án đầu tư mới, các dự án nâng cấp, cải tạo công nghệ xử lý nước nhiễm mặn nhằm đảm bảo cấp nước liên tục cho khách hàng trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Báo cáo hoạt động trong năm 2020 của Ban kiểm soát. Kính
trình Đại hội thông qua. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Vũ Tiến Bộ

